

Trong cuộc sống, phàm lệ “Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu, nếu ai là người bước qua ngưỡng tuổi “Thất thập cổ lai hy” và đã sống nhiều năm ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long phù sa màu mỡ, ruộng vườn mênh mông này, đọc đến bài “Thốt nốt” hay “Thốt lốt” của tác giả Nguyễn Thắng, làm sao khỏi xúc động sâu lắng bằng khuâng Niệm hoài nhất là với đoạn văn mở đầu tình cảm giàn trải: “Nếu ai là người con của miền Tây Nam bộ (đặc biệt là 3 tỉnh An Giang, Kiên Giang, Cần Thơ) chắc hẳn không ít trong họ sẽ không khỏi thắc mắc khi mà cái tên gọi cây, trái “Thốt lốt” đang ngày càng mất dần theo năm tháng và thay vào nó là cái tên “Thốt nốt” nghe có vẻ khô khan và cứng nhắc. Có một số ý kiến cho rằng tên gọi cây “Thốt lốt” là do khoảng hơn mười lăm năm trở lại đây, các phương tiện truyền thông đánh đồng với tên một đơn vị hành chính thành phố Cần Thơ: quận Thốt Nốt. Vậy phải gọi thế nào mới đúng?”.

Ý nghĩ của Nguyễn Thắng rất trùng khớp với hoài niệm xưa của tôi nên xúc cảm dâng trào. Hồi nhớ “Thuở còn thơ, ngày hai buổi đến trường” từ Xóm Chày đi dò qua bên chợ Hàng Dương thấy nhiều ghe cà vom chở đường “Thốt lốt” về giao cho các tiệm tạp hóa của mấy chú Chệc, miệng luôn xì xồ xì xào. Đường thốt lốt dịu ngọt, thơm ngon, cắt thành khoanh, gói lại bằng lá cây thốt lốt dài và lớn hơn đòn bánh tét một chút. Các bậc trưởng thượng thường bảo “Nơi nào có cây thốt lốt là có người Khmer sinh sống”.

Chuyện xưa rõ ràng là thế, tai nghe mắt thấy tận tường, thế mà nay bỗng nhiên “Thốt lốt” biến thành “Thốt nốt” tên cây trở thành tên quận “Thốt Nốt” của thành phố Cần Thơ, quả thật ngỡ ngàng, lạ lẫm, hoang mang biết bao.

Sách vở là ông thầy mở đường chỉ lối, ra công truy tìm ta sẽ biết rõ nguồn cơn của sự việc.

“Thốt lốt” và “Thốt nốt”, gốc do tiếng Khmer “Th not” (có nghĩa: cây dừa đường) Người Nam đã phiên âm ra để gọi là “Thốt lốt” hay “Thốt nốt”.

Lòng xao xuyến khi đọc “Thốt nốt” hay “Thốt lốt”

(tác giả Nguyễn Thắng, được đăng trong Văn hóa – Lịch sử AG. 97 – 04/2013)

NGUYỄN TẤN VĨNH

Về mặt hành chánh, có địa danh Thốt Nốt. Địa danh này khởi đầu là một khu chợ mang tên cây Thốt nốt (ngày xưa nơi đây có nhiều cây này) sau chuyển thành tên quận vì dân cư ngày một đông, bán buôn phát triển. Bùi Đức Tịnh cung cấp thông tin quý giá: “Khi thực dân Pháp đến, chúng bãi bỏ tất cả các phủ, huyện, châu mà chỉ đặt dưới cấp tỉnh, trên cấp tổng, loại đơn vị hành chính duy nhất là quận. Trong đại đa số các trường hợp chúng cũng đặt tên quận bằng tên chợ tại quận lý như: Chợ Mới, Thốt Nốt, Gò Quao, Giồng Riềng, Cái Răng, Cầu Kè, Chợ Gạo, Ba Tri...” (lược khảo nguồn gốc địa danh Nam Bộ, tr 65) Và theo học giả Dương Trung Quốc, thời gian hình thành quận Thốt Nốt: “Trước đó Long Xuyên vốn thuộc huyện Đông Xuyên, phủ Tịnh Biên, tỉnh Châu Đốc cũ; sau khi Pháp xâm lược trở thành một khu của vùng hành chính Bát Xắc (Bassac); từ 01/01/1900 theo nghị định của Toàn quyền Đông Dương trở thành một tỉnh. Từ năm 1917, Long Xuyên có 3 quận: Châu Thành, Chợ Mới và Thốt Nốt, những đơn vị hành chính này tồn tại cho đến năm 1945” (Việt Nam những sự kiện lịch sử 1919 – 1945, tr 240). Lê Văn Đức cho ta biết rạch ròi về quận này: “...Thốt Nốt...một quận của tỉnh An Giang (Long Xuyên cũ) có 9 xã” (Việt Nam

tự điển 2, tr 236). Thời gian thăm thoát, vật đổi sao dời, Thốt Nốt trước 1975 thuộc tỉnh An Giang; 1976 thuộc tỉnh Hậu Giang; 1991 thuộc tỉnh Cần Thơ và từ tháng 01 năm 2004 thuộc thành phố Cần Thơ. Theo học giả Lê Hồng Chương: “Thốt Nốt huyện ở phía Bắc thành phố. Phía Bắc giáp tỉnh An Giang; phía Đông giáp tỉnh Đồng Tháp; phía Nam giáp huyện Cờ Đỏ và quận Ô Môn; phía Tây giáp huyện Vĩnh Thạnh. Diện tích: 171,10Km²; dân số: 192.237 người (2004), mật độ dân số 1.124 người/Km². Huyện có 01 thị trấn, 07 xã: Tân Lập, Thốt Nốt (thị trấn quận lỵ), Thới Thuận, Thuận Hưng, Trung An, Trung Kiên, Trung Nhất, Trung Thạnh” (Từ điển đơn vị hành chính Việt Nam, tr 153).

Người dân ở huyện này rất linh hoạt, biết thích nghi với thiên nhiên, khai thác mặt ưu của lũ lớn hàng năm để ăn nên làm ra. Nhà văn Phan Huy cho biết về vấn đề này: “...Hằng năm, mỗi khi lũ về là ruộng nuôi tôm, cá bị nước ngập cuốn trôi mất trắng. Người Thốt Nốt đã nghĩ ra cách quây lưới quanh bờ giữ tôm, giữ cá giữa đồng ngập lũ. Các chủ ruộng tỏ ra thích thú vì nước lũ nhiều phù du, tôm cá mau lớn, ít hao tốn thức ăn” (Ấn tượng đồng bằng, tr 81).

Xem thế, về mặt hành chính, hơn một thế kỷ, địa danh “Thốt Nốt” chẳng hề thay đổi từ khi lưu dân Việt Nam ăn nên làm ra ở vùng màu mỡ này.

Từ “Thốt lốt” chỉ cây dừa đường, trong sách từ điển đồng âm tiếng Việt của 3 soạn giả Hoàng Văn Hành, Nguyễn Văn Khang và Nguyễn Thi Trung Thành ghi ngắn gọn, nhưng rất là quý như sau: “Thốt ..., ... thốt lốt (cây cùng họ với dừa)”.(tr537).

Qua sự sưu tầm, tìm hiểu cho thấu đáo, rạch ròi, Lê Văn Đức viết rõ ràng, mạch lạc, rành rẽ hơn: “Thốt lốt (thực) cũng gọi thốt nốt, loại cây suôn, đứng thẳng, không nhánh, lá rẽ quạt, mọc trum trên ngọn, trái nhỏ bằng nắm tay, cơm dày và trong; nước ngọt, trái đóng thành buồng dài lối 40 cm; phát hoa thường được chặt khi còn non để vớt

chặt ra nước dùng nấu đường; cuống hoa có tính trị lã, lợi tiểu tiện và hạ nhiệt; cây thốt nốt, đường thốt nốt (*Borassus Flabellifer*) (VNTĐ 2, tr 1592). Cũng bộ tự điển ở phần III, soạn giả viết: “Thốt Nốt: do tiếng Cao Miên là cây dừa đường ... (tr 236). Nơi trang 505 sách lại ghi: “Đường: mật củ cải đỏ, mía, hay thốt nốt nấu keo để khô, vị thật ngọt”.

Trong khi ấy, cũng loại cây dừa đường này, nhiều tài liệu đều ghi là thốt nốt.

Trên mạng hầu hết đều ghi loại cây này là thốt nốt giống như tên hành chánh của huyện Thốt Nốt (Cần Thơ). Người lớn tuổi thấy kỳ kỳ là lạ làm sao ấy. tìm hiểu thêm phần nhiều sách đều ghi thốt nốt, khiến sanh nhiều hoang mang, chẳng phải 15 năm trở lại đây mà trước cả năm 1975, xin đơn cử:

- Theo Việt Nam từ điển của Thanh Nghị (Thế Giới SG – XB trước 1970): “Thốt Nốt: thứ cây thuộc loại dừa, có quả như quả dừa con, trong có múi trắng nước ngọt, dùng làm đường” (tr 1335).

- Giáo sư tiến sĩ Đỗ Tất Lợi, trong sách những cây thuốc Việt Nam

(1960): “Thốt nốt: còn gọi là Thnot (campuchia), mak, tan Kok (Lào), Palmier sucre, rondier.

Tên khoa học *Borassus Flabellifer* L.. Thuộc loại dừa *Palma ceae*” (tr 205).

- Từ điển từ ngữ Nam Bộ, Huỳnh Công Tín biên soạn: “Thốt nốt”: ... loại cây trồng đặc sản của người Khơ me, có thân cây cao lớn như cây dừa, lá có tán xòe chung quanh, cọng như lá cọ, trái tròn mọc quanh buồng như dừa, trái chín có màu tím đen, nước của nó được dùng để nấu đường. “Tỉnh Trà Vinh, Kiên Giang có rất nhiều cây thốt nốt ở những vùng có người Khơ me sinh sống”. (tr 163).

- Trong sách ghi chép từ con số không, nhà văn Nguyễn Bắc cũng dùng từ thốt nốt: “... Ở tô ra khỏi Phnom Pênh đi về bất cứ hướng nào đều gặp cây thốt nốt. Cũng như ở Việt Nam về về nông thôn thì trông thấy cây tre. Lá thốt nốt giống lá cọ, nhưng thân cây cao hơn, nhiều tầng như những cái lọng màu xanh thẫm giữa nền trời màu xanh nhạt. Thốt nốt mọc giữa ruộng, trên các gò, trong vườn. Lá, thân, hoa, quả đều có công dụng. Người Kampuchia rất quý thốt nốt, thích uống nước thốt nốt tươi mát vừa lấy trên cây xuống buổi sáng, có người gọi mồn giải khát, ngon mát bổ ấy là “bia Poochentong” (tr 16).

- Đoàn Giỏi (1925 – 1989) tác giả Đất rừng phương Nam (1957) dùng từ thốt nốt: “Lâu lâu có một luồng gió từ xa chạy tới, cuốn từng vầng cát lớn bay mù mịt, phủ mát bóng những đàn bò uể oải đứng gặm cỏ khô dưới những tầng cây thốt nốt, khiến cho tôi có cảm giác những con bò mộng to tướng ấy đã bị cuốn theo vầng cát bay lên biển mất giữa trời” (tr 109).

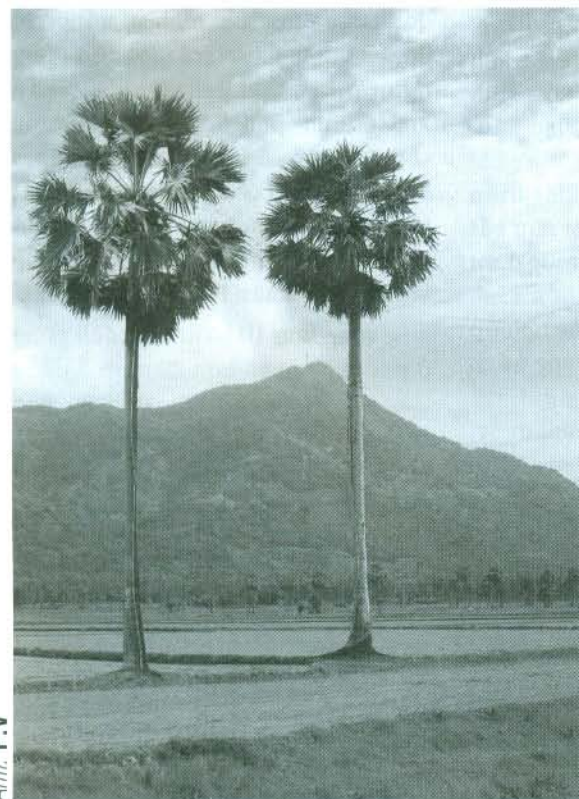
Chứng ấy dẫn chứng đưa đến kết luận: Với cây mà người Khmer gọi là Thnot (cây dừa đường) một số người bình dân Nam Bộ và ít sách nói viết là thốt nốt, còn nhiều sách khác kể cả Bắc lẫn Nam nặng về văn học đều viết là thốt nốt giống như tên huyện Thốt Nốt (Cần Thơ) vậy.

Thời gian mãi trôi, mãi trôi, vật đổi sao dời là qui luật muôn thuở, nhưng “Chân, Thiện, Mỹ” lúc nào cũng được trân trọng tôn thờ. Hoài niệm là niềm hạnh phúc cho những người da mồi tóc bạc, tiếng hát của lòng mình, nụ cười tươi tắn của ngày xưa mạnh ai nấy giữ, hình xưa bóng cũ có gì sánh bằng. Bởi thế với câu: “Thỉnh thoảng còn một số “Quán Thốt Lốt” trên đường Tịnh Biên – Tri Tôn. Và những người Khmer hay những người dân lớn tuổi thế hệ cha mẹ, ông bà ở Châu Đốc – An Giang khi nói chuyện với nhau vẫn dùng từ “Thốt Lốt” như ngày nào. Và đặc biệt là ở phía dưới chân, đường đi lên núi Dài Năm Giếng (Ngũ hồ sơn), về phía bên phải hướng đi An Phú – Xuân Tô, vẫn còn những bảng hiệu “Thốt Lốt” sót lại như cái hồn một phương ngữ chung của vùng miền” của Nguyễn Thắng tác giả “Thốt Nốt hay Thốt Lốt” thấp sáng lên một niềm hoài niệm thật đáng tôn vinh và trân trọng.

N.T.V

Tài liệu tham khảo:

- Lược khảo nguồn gốc địa danh Nam Bộ - Bùi Đức Tịnh, Văn nghệ TP.HCM – XB 1999.
- Việt Nam những sự kiện lịch sử (1919 – 1945) - Dương Kinh Quốc, Giáo dục - XB 2001.
- Việt Nam tự điển, Lê Văn Đức, Khai Trí - XB.1970
- Việt Nam từ điển, Thanh Nghị, Thế Giới Sài Gòn – XB trước 1970.
- Từ điển đơn vị hành chính VN – Lê Hồng Chương, Từ điển Bách Khoa – XB 2007.
- Ấn tượng đồng bằng – Phan Huy, Trẻ - XB 2004.
- Những cây thuốc và vị thuốc VN – Đỗ Tất Lợi, Y học – XB 2006.
- Từ điển Từ ngữ Nam Bộ - Huỳnh Công Lý, Khoa học Xã hội – XB 2007.
- Từ điển đồng âm tiếng Việt, TP. HCM – XB 1998.
- Đất phương nam – Đoàn Giỏi, Kim Đồng – XB 1996.



Ảnh: P.V